

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1	2	3	4	5
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.802.634.752	114.235.648.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.482.415.921	39.647.720.150
1. Tiền	111	V.01	18.482.415.921	39.647.720.150
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	20.000.000	20.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.000.000	20.000.000
III. Các khoản phải thu	130		24.523.373.564	36.322.893.426
1. Phải thu khách hàng	131		18.723.509.281	33.771.936.346
2. Trả trước cho người bán	132		5.307.280.325	2.374.648.122
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	492.583.958	176.308.958
IV. Hàng tồn kho	140		44.975.740.355	28.387.193.227
1. Hàng tồn kho	141	V.04	44.975.740.355	28.387.193.227
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.801.104.912	9.857.842.007
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		126.010.600	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.598.635.821	9.422.816.422
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.076.458.491	435.025.585
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.152.830.703	67.349.768.691
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.728.361	45.764.061
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		25.728.361	45.764.061
II. Tài sản cố định	220		78.535.998.390	56.996.426.301
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	56.002.763.369	48.598.708.605
- Nguyên giá	222		114.468.261.368	102.292.462.017
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.465.497.999)	(53.693.753.412)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.020.000.000	-
- Nguyên giá	228		10.030.000.000	10.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.000.000)	(10.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	12.513.235.021	8.397.717.696
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	13.936.250.000	7.533.430.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		16.867.350.000	7.533.430.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(2.931.100.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		654.853.952	2.774.148.329
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	394.452.005	2.494.546.382
3. Tài sản dài hạn khác	268		260.401.947	279.601.947
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		185.955.465.455	181.585.417.501

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1	2	3	4	5
A NỢ PHẢI TRẢ	300		73.231.906.447	72.713.304.087
I. Nợ ngắn hạn	310		72.798.481.642	69.363.325.162
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	23.198.495.331	16.923.987.462
2. Phải trả người bán	312		19.229.002.797	18.595.381.928
3. Người mua trả tiền trước	313		11.046.116.989	20.201.532.350
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.208.861.196	1.339.045.032
5. Phải trả người lao động	315		6.654.069.415	8.592.974.503
6. Chi phí phải trả	316	V.17	255.624.756	363.713.443
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	8.206.311.158	3.346.690.444
II. Nợ dài hạn	330		433.424.805	3.349.978.925
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		2.923.843.501
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		433.424.805	426.135.424
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.723.559.008	108.872.113.414
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	110.077.554.380	107.952.289.631
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.694.970.000	46.694.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		47.990.911.925	47.990.911.925
4. Cổ phiếu quỹ	414		(88.750.000)	(1.500.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.668.972.257	8.615.737.181
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.730.049.318	1.909.247.554
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		81.400.880	2.742.922.971
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		2.646.004.628	919.823.783
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.646.004.628	919.823.783
2. Nguồn kinh phí	422			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		185.955.465.455	181.585.417.501

Kế toán trưởng

NGUYỄN MINH HÀNG

Ngày 25 tháng 03 năm 2009

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ân